

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG



**LADOPHAR**<sup>®</sup>

GMP - WHO ISO 9001:2008

Bản Mìn Đẳng Hình Cưng Sức Khỏe

Trụ sở: 18 Ngô Quyền, P.6, TP.Đà Lạt  
• Tel: (063) 3 824 167 – 3 832 020  
• Fax: (063) 3 8222 369  
• Website: www.ladopharcorp.com  
• Email: ladopharcorp@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 13 tháng 08 năm 2016

Số: 272 /LDP

(V/v: CBTT BCTC 6 tháng đầu năm 2016 sau soát xét)

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội

01. Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG - LADOPHAR.**
02. Mã chứng khoán : **LDP.**
03. Địa chỉ trụ sở chính : **18 Ngô Quyền-Phường 6-TP Đà Lạt-Tỉnh Lâm Đồng.**
04. Điện thoại : 0633 824167, 0633 817937. Fax : 0633 822369
05. Người thực hiện công bố thông tin : **Phạm Thị Xuân Hương.**
06. Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
07. Nội dung công bố :

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 sau soát xét gồm:

- + Bảng cân đối kế toán.
- + Báo cáo kết quả kinh doanh
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- + Thuyết minh báo cáo tài chính
- + Giải trình chênh lệch số liệu trên Bảng Kết quả kinh doanh so với báo cáo

tự lập

08. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính : **www.ladopharcorp.com**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu HC-NS. TC-KT



TỔNG GIÁM ĐỐC

DS. Phạm Thị Xuân Hương



Đà Lạt, ngày 13 tháng 08 năm 2016

Số: 213 /LDP

(V/v: Giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu trong KQ HĐKD  
 6 tháng đầu năm 2016 sau soát xét so với báo cáo tự lập)

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng – Ladophar xin giải trình về chênh lệch số liệu giữa Báo cáo soát xét so với Báo cáo tự lập như sau :

Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo tự lập	Số liệu báo cáo soát xét	Chênh lệch
Doanh thu	252.450.705.914	248.423.458.887	-4.027.247.027
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.824.140.924	298.356.145	-3.525.784.779
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.765.324.187	8.283.691.781	-481.632.406

- + Chỉ tiêu: Các khoản giảm trừ doanh thu giảm 3.525.784.779đồng. Nguyên nhân: trình bày lại khoản chiết khấu thương mại giảm trừ trực tiếp vào doanh thu bán hàng.
- + Chỉ tiêu: Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 481.632.406đồng. Nguyên nhân: do trình bày lại một số chi phí quản lý sang chi phí bán hàng.

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng – Ladophar kính trình .

**Nơi nhận**  
 - Như trên :  
 - Lưu TCKT, HCNS

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
 DS: Phạm Thị Xuân Hương

# **Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 9 tháng 7 năm 2000.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất tân dược, đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Thắng	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên
Bà Vũ Thu Mười	Thành viên
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên
Ông Cao Minh Lãm	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hồng Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Hữu Hiệp	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thông	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Xuân Hương.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Lạt, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61280354/18688678

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét và kiểm toán tương ứng bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, lần lượt phát hành các báo cáo chấp nhận toàn phần vào ngày 13 tháng 8 năm 2015 và ngày 24 tháng 3 năm 2016.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>163.730.005.017</b>	<b>162.705.194.365</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>7.236.271.210</b>	<b>1.992.354.697</b>
111	1. Tiền		7.236.271.210	1.992.354.697
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>61.392.468.614</b>	<b>64.361.851.459</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	57.898.863.271	60.530.238.042
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	903.284.150	514.874.230
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.590.321.193	3.316.739.187
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>94.745.694.861</b>	<b>96.350.988.209</b>
141	1. Hàng tồn kho		94.745.694.861	96.350.988.209
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>355.570.332</b>	<b>-</b>
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	355.570.332	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>88.416.659.930</b>	<b>89.621.905.151</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>14.500.000</b>	<b>14.500.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	14.500.000	14.500.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>81.377.477.427</b>	<b>80.094.835.562</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	77.110.349.102	75.772.907.208
222	Nguyên giá		120.466.720.463	114.606.760.581
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(43.356.371.361)	(38.833.853.373)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.267.128.325	4.321.928.354
228	Nguyên giá		4.883.364.720	4.883.364.720
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(616.236.395)	(561.436.366)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>1.834.110.096</b>	<b>1.878.870.858</b>
231	1. Nguyên giá		2.703.478.177	2.703.478.177
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(869.368.081)	(824.607.319)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>519.880.000</b>	<b>2.110.196.350</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	519.880.000	2.110.196.350
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
253	1. Đầu tư dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.665.692.407</b>	<b>5.518.502.381</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.665.692.407	5.518.502.381
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>252.146.664.947</b>	<b>252.327.099.516</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>166.301.437.526</b>	<b>162.955.101.242</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>150.407.068.001</b>	<b>145.057.942.149</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	103.670.836.434	116.043.353.807
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	608.190.547	430.677.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.031.491.062	1.710.008.080
314	4. Phải trả người lao động		4.186.779.075	631.987.434
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.031.033.065	62.970.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	11.243.758.066	921.042.610
320	7. Vay ngắn hạn	19	24.543.706.886	23.965.329.341
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	3.091.272.866	1.292.573.477
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>15.894.369.525</b>	<b>17.897.159.093</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.589.730.000	206.500.000
338	2. Vay dài hạn	19	9.726.149.918	12.624.870.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	4.578.489.607	5.065.789.093
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>85.845.227.421</b>	<b>89.371.998.274</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>85.775.927.421</b>	<b>89.327.698.274</b>
411	1. Vốn cổ phần		33.999.590.000	33.999.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		33.999.590.000	33.999.590.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(320.000)	(320.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		42.460.249.464	37.629.405.637
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.316.407.957	17.699.022.637
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		9.316.407.957	17.699.022.637
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>69.300.000</b>	<b>44.300.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		69.300.000	44.300.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>252.146.664.947</b>	<b>252.327.099.516</b>

Trương Thị Ngọc Hiền  
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	248.423.458.887	230.606.963.380
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(298.356.145)	(2.841.307.504)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	248.125.102.742	227.765.655.876
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(211.901.935.062)	(199.840.611.638)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.223.167.680	27.925.044.238
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	305.287.762	113.547.068
22	7. Chi phí tài chính	25	(1.342.458.415)	(724.330.041)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.342.458.415)	(715.081.153)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(16.716.420.483)	(11.805.101.839)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(8.283.691.781)	(6.479.241.873)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.185.884.763	9.029.917.553
31	11. Thu nhập khác		403.658.625	522.051.897
32	12. Chi phí khác		(16.563.700)	(3.612.162)
40	13. Lợi nhuận khác		387.094.925	518.439.735
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.572.979.688	9.548.357.288
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(1.256.571.731)	(1.405.251.880)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.316.407.957	8.143.105.408
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	2.740	2.048
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	2.740	2.048

  
Trương Thị Ngọc Hiền  
Người lập biểu

  
Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng



  
Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>10.572.979.688</b>	<b>9.548.357.288</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		4.622.078.779	3.403.346.310
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(28.792.077)	(27.063.339)
06	Chi phí lãi vay	25	1.342.458.415	715.081.153
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>16.508.724.805</b>	<b>13.639.721.412</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		2.613.812.513	(6.408.323.524)
10	Giảm (tăng) tồn kho		1.605.293.348	(17.367.493.818)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(8.024.170.938)	13.408.683.946
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		852.809.974	(3.087.534.776)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.342.458.415)	(715.081.153)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(1.209.430.171)	(3.484.369.873)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25.000.000	3.321.996.947
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(767.700.611)	(455.640.225)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>10.261.880.505</b>	<b>(1.148.041.064)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(4.269.643.532)	(9.306.281.764)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		28.792.077	27.063.339
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.240.851.455)</b>	<b>(9.279.218.425)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được		44.529.288.537	38.896.311.110
34	Tiền trả nợ gốc vay		(45.306.401.074)	(24.546.773.381)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(777.112.537)</b>	<b>14.349.537.729</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.243.916.513	3.922.278.240
60	Tiền đầu kỳ		1.992.354.697	4.180.478.004
70	Tiền cuối kỳ	4	7.236.271.210	8.102.756.244



Trương Thị Ngọc Hiền  
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 9 tháng 7 năm 2000.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất tân dược, đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 18 Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 319 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 309).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	37 - 42 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	32 - 50 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.11 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Hao mòn của tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm vào số dư Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Khi tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chuyển sang phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, giá trị còn lại của tài sản được ghi giảm vào số dư Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đồng thời được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khi tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản các tài sản trên (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Thu nhập cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.17 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất tân dược, đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc của Công ty giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất tân dược, đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế.

Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về hàng hóa và dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**4. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	980.633.000	464.850.000
Tiền gửi ngân hàng	6.255.638.210	1.527.504.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.236.271.210</b>	<b>1.992.354.697</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	17.122.589.118	31.633.241.719
Khác	40.776.274.153	28.896.996.323
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.898.863.271</u></b>	<b><u>60.530.238.042</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Giải Pháp Việt	519.430.000	420.590.000
Công ty TNHH Đường Khánh Hòa	175.000.000	-
Khác	208.854.150	94.284.230
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>903.284.150</u></b>	<b><u>514.874.230</u></b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Thuế GTGT chưa khấu trừ	1.201.793.977	2.592.805.210
Thuế thu nhập cá nhân	649.904.266	709.404.266
Tạm ứng	735.182.270	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.440.680	14.529.711
	<b><u>2.590.321.193</u></b>	<b><u>3.316.739.187</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ	14.500.000	14.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.604.821.193</u></b>	<b><u>3.331.239.187</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Hàng hóa	51.876.982.443	54.849.741.431
Thành phẩm	25.961.812.878	22.211.200.551
Nguyên liệu, vật liệu	12.539.703.981	12.404.238.940
Hàng mua đang đi đường	3.114.222.122	6.187.957.025
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	721.036.086	532.968.446
Hàng gửi đi bán	378.626.403	11.156.213
Công cụ, dụng cụ	153.310.948	153.725.603
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>94.745.694.861</u></b>	<b><u>96.350.988.209</u></b>

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	51.228.078.953	55.870.733.461	7.132.358.393	375.589.774	114.606.760.581
Tăng trong kỳ	4.947.825.337	912.134.545	-	-	5.859.959.882
<i>Trong đó:</i>					
<i>Xây dựng dở dang chuyển sang</i>	4.328.232.337	574.334.545	-	-	4.902.566.882
<i>Mua mới trong kỳ</i>	619.593.000	337.800.000	-	-	957.393.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	56.175.904.290	56.782.868.006	7.132.358.393	375.589.774	120.466.720.463
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	4.171.079.298	11.451.405.093	1.964.809.483	375.589.774	17.962.883.648
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 19)</i>	4.006.261.775	9.340.669.649	-	-	13.346.931.424
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(11.700.741.349)	(23.219.881.275)	(3.542.368.545)	(370.862.204)	(38.833.853.373)
Khấu hao trong kỳ	(1.562.927.966)	(2.630.795.810)	(324.066.642)	(4.727.570)	(4.522.517.988)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(13.263.669.315)	(25.850.677.085)	(3.866.435.187)	(375.589.774)	(43.356.371.361)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	39.527.337.604	32.650.852.186	3.589.989.848	4.727.570	75.772.907.208
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	42.912.234.975	30.932.190.921	3.265.923.206	-	77.110.349.102

Như được trình bày trong Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.487.733.920	395.630.800	4.883.364.720
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	395.630.800	395.630.800
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	171.782.640	-	171.782.640
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(187.130.557)	(374.305.809)	(561.436.366)
Hao mòn trong kỳ	(33.475.038)	(21.324.991)	(54.800.029)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(220.605.595)	(395.630.800)	(616.236.395)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	4.300.603.363	21.324.991	4.321.928.354
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.267.128.325	-	4.267.128.325

Như được trình bày trong Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.578.569.000	1.124.909.177	2.703.478.177
<i>Trong đó</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	395.630.800	395.630.800
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	-	652.876.684	652.876.684
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(375.073.008)	(449.534.311)	(824.607.319)
Hao mòn trong kỳ	(22.262.580)	(22.498.182)	(44.760.762)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(397.335.588)	(472.032.493)	(869.368.081)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.203.495.992	675.374.866	1.878.870.858
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.181.233.412	652.876.684	1.834.110.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

*Thuyết minh bổ sung:*

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	137.454.546	137.454.546
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	44.760.762	44.760.762

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Công trình phụ trợ nhà máy Phú Hội	420.000.000	2.002.106.350
Khác	99.880.000	108.090.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>519.880.000</u></b>	<b><u>2.110.196.350</u></b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí thuê mặt bằng	2.397.088.072	2.349.786.934
Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy Phú Hội	1.170.872.026	1.529.938.271
Chi phí bảo trì và sửa chữa	767.918.825	1.062.371.203
Khác	329.813.484	576.405.973
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.665.692.407</u></b>	<b><u>5.518.502.381</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y Tế Domesco - Chi nhánh Tây Nguyên	8.117.333.085	7.721.978.890
Công ty Cổ phần Pymepharco - Chi nhánh Lâm Đồng	7.969.372.190	8.973.074.964
Khác	87.584.131.159	99.348.299.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>103.670.836.434</u></b>	<b><u>116.043.353.807</u></b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Dược Phẩm Thành Đạt	337.645.380	337.645.380
Công ty Cổ phần Thương Mại Hoa Sen Xanh	232.782.500	-
Khác	37.762.667	93.032.020
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>608.190.547</u></b>	<b><u>430.677.400</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Phải thu nhà nước</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	139.711.094	(495.281.426)	(355.570.332)
<b>Phải nộp nhà nước</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26)	672.990.949	1.256.571.731	(1.209.430.171)	720.132.509
Thuế thu nhập cá nhân	675.643.853	-	(675.643.853)	-
Thuế giá trị gia tăng	361.373.278	2.012.952.128	(2.062.966.853)	311.358.553
Khác	-	804.866.258	(804.866.258)	-
	<b><u>1.710.008.080</u></b>	<b><u>4.074.390.117</u></b>	<b><u>(4.752.907.135)</u></b>	<b><u>1.031.491.062</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.710.008.080</u></b>	<b><u>4.214.101.211</u></b>	<b><u>(5.248.188.561)</u></b>	<b><u>675.920.730</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ	2.031.033.065	-
Khác	-	62.970.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.031.033.065</u></b>	<b><u>62.970.000</u></b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả cổ tức	10.391.442.594	104.199.284
Bảo hiểm xã hội, y tế	159.909.835	174.550.233
Khác	692.405.637	642.293.093
	<b><u>11.243.758.066</u></b>	<b><u>921.042.610</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	206.500.000	206.500.000
Khác	1.383.230.000	-
	<b><u>1.589.730.000</u></b>	<b><u>206.500.000</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.833.488.066</u></b>	<b><u>1.127.542.610</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**19. CÁC KHOẢN VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	19.930.329.341	43.594.778.619	(43.561.401.074)	19.963.706.886
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	4.035.000.000	545.000.000	-	4.580.000.000
	<b>23.965.329.341</b>	<b>44.139.778.619</b>	<b>(43.561.401.074)</b>	<b>24.543.706.886</b>
<b>Dài hạn</b>				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	11.081.640.000	389.509.918	(1.745.000.000)	9.726.149.918
Vay khác	1.543.230.000	-	(1.543.230.000)	-
	<b>12.624.870.000</b>	<b>389.509.918</b>	<b>(3.288.230.000)</b>	<b>9.726.149.918</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.590.199.341</b>	<b>44.529.288.537</b>	<b>(46.849.631.074)</b>	<b>34.269.856.804</b>

**19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	<u>19.963.706.886</u>	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2016 đến ngày 29 tháng 9 năm 2016	7	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất, máy móc, thiết bị (Thuyết minh số 9, 10, 11)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**19. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	<u>14.306.149.918</u>	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 7 năm 2019	8 - 9	Tài sản được hình thành từ nhà máy Phú Hội (Thuyết minh số 9)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	9.726.149.918			
<i>Vay dài hạn tới hạn trả</i>	4.580.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	1.292.573.477	2.284.247.479
Trích lập quỹ	2.566.400.000	2.694.000.000
Sử dụng quỹ	<u>(767.700.611)</u>	<u>(491.074.002)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.091.272.866</u></b>	<b><u>4.487.173.477</u></b>

**21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	5.065.789.093	4.585.585.176
Sử dụng quỹ	<u>(487.299.486)</u>	<u>(338.737.486)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>4.578.489.607</u></b>	<b><u>4.246.847.690</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	33.999.590.000	(320.000)	32.042.720.972	18.582.463.475	84.624.454.447
Cổ tức	-	-	-	(10.301.778.810)	(10.301.778.810)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	8.143.105.408	8.143.105.408
Trích lập quỹ	-	-	5.586.684.665	(8.280.684.665)	(2.694.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>33.999.590.000</u>	<u>(320.000)</u>	<u>37.629.405.637</u>	<u>8.143.105.408</u>	<u>79.771.781.045</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	33.999.590.000	(320.000)	37.629.405.637	17.699.022.637	89.327.698.274
Cổ tức	-	-	-	(10.301.778.810)	(10.301.778.810)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	9.316.407.957	9.316.407.957
Trích lập quỹ	-	-	4.830.843.827	(7.397.243.827)	(2.566.400.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>33.999.590.000</u>	<u>(320.000)</u>	<u>42.460.249.464</u>	<u>9.316.407.957</u>	<u>85.775.927.421</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

22. **VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

22.2 **Cổ tức**

VND

<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
---	---

**Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố**  
*Cổ tức đã công bố trong kỳ*

10.301.778.810	10.301.778.810
----------------	----------------

22.3 **Cổ phiếu**

*Số lượng cổ phiếu*

<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
-------------------------------------	--------------------------------------

Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.399.959	3.399.959
Cổ phiếu bán ra cộng chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.399.959	3.399.959
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(32)	(32)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.399.927	3.399.927

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.4 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	9.316.407.957	8.143.105.408
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.180.750.284)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	9.316.407.957	6.962.355.124
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.399.927	3.399.927
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	<u>2.740</u>	<u>2.048</u>

(\*) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ khen thưởng phúc lợi.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận giữ lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 139/2016/NQ-ĐHCĐ/LDP ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>248.423.458.887</b>	<b>230.606.963.380</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	195.579.094.635	174.609.225.136
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	52.629.046.068	55.747.336.423
<i>Doanh thu khác</i>	215.318.184	250.401.821
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(298.356.145)</b>	<b>(2.841.307.504)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Từ hàng hóa</i>	(141.250.957)	(604.132.861)
<i>Từ thành phẩm</i>	(157.105.188)	(2.237.174.643)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>248.125.102.742</u></b>	<b><u>227.765.655.876</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	195.437.843.678	174.005.092.275
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	52.471.940.880	53.510.161.780
<i>Doanh thu khác</i>	215.318.184	250.401.821



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chiết khấu thanh toán	276.495.685	86.483.729
Lãi tiền gửi	21.292.077	23.063.339
Cổ tức nhận được	7.500.000	4.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>305.287.762</u></b>	<b><u>113.547.068</u></b>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Giá vốn hàng hóa	176.186.711.196	160.475.718.251
Giá vốn thành phẩm	35.670.463.104	39.320.132.625
Khác	44.760.762	44.760.762
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>211.901.935.062</u></b>	<b><u>199.840.611.638</u></b>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí lãi vay	1.342.458.415	715.081.153
Khác	-	9.248.888
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.342.458.415</u></b>	<b><u>724.330.041</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	9.173.127.038	5.360.373.871
Chi phí vận chuyển	2.155.251.486	2.119.135.917
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	1.144.570.692	855.708.934
Các chi phí khác	4.243.471.267	3.469.883.117
	<b>16.716.420.483</b>	<b>11.805.101.839</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	6.448.734.252	4.294.873.492
Các chi phí khác	1.834.957.529	2.184.368.381
	<b>8.283.691.781</b>	<b>6.479.241.873</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.000.112.264</b>	<b>18.284.343.712</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Hàng hóa bán ra trong kỳ	176.186.711.196	160.475.718.251
Chi phí nguyên vật liệu	34.648.043.749	28.085.555.897
Chi phí nhân công	27.800.959.853	22.841.074.924
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.134.779.293	3.064.608.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.929.363.998	3.941.531.690
Chi phí khác	4.734.986.813	9.197.625.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>256.434.844.902</b>	<b>227.606.115.205</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Ngoài ra, đối với dự án Phú Hội, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2015), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		<i>VND</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.572.979.688</b>	<b>9.548.357.288</b>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	437.729.021	-
Thu nhập từ cổ tức	(7.500.000)	-
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cân trừ lỗ năm trước</b>	<b>11.003.208.709</b>	<b>9.548.357.288</b>
Thu nhập chịu thuế được miễn giảm do dự án mở rộng	(4.720.350.053)	(3.160.848.741)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>6.282.858.656</b>	<b>6.387.508.547</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>1.256.571.731</b>	<b>1.405.251.880</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	672.990.949	1.346.217.140
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.209.430.171)	(3.484.369.873)
<b>Thuế TNDN phải trả (trả trước ) cuối kỳ</b>	<b>720.132.509</b>	<b>(732.900.853)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và thưởng	<u>1.258.611.000</u>	<u>1.182.226.000</u>

**30. CÁC CAM KẾT**

**30.1 Thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	530.158.636	888.867.273
Từ 1 đến 5 năm	-	85.725.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>530.158.636</u></b>	<b><u>974.592.273</u></b>

**30.2 Cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	274.909.091	274.909.091
Từ 1 đến 5 năm	350.181.818	487.636.364
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>625.090.909</u></b>	<b><u>762.545.455</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trương Thị Ngọc Hiền  
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng

  
Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

